TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-THÁI NGUYÊN** Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST Ngày: 20/8/2026 V/v tranh chấp: "*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Huệ;

2. Ông Ngô Phúc Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 84/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh **Lâm Văn T** sinh năm 1989; Căn cước công dân số 006089005768; Cấp ngày 27/6/2021; Địa chỉ thường trú: thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên; Địa chỉ tạm trú: Phòng A102, tòa S, số E N, khu N, thành phố K, tỉnh Gunma, Nhật Bản; (vắng mặt).

Người được ủy quyền nhận các văn bản tố tụng: Anh **Chu Thanh T1** sinh năm 1982; CCCD số: 006082000140; Cấp ngày 16/4/2021; Địa chỉ: Thôn A (nay là thôn E), xã C, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

*Bị đơn: Chị **Triệu Thị V** sinh năm 1996; Căn cước công dân số 006196002853; Cấp ngày 27/6/2021; Địa chỉ: thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lâm Văn L** sinh năm 1960; Căn cước công dân số 006060002345; Cấp ngày 27/6/2021; Bà **Hà Thị T2** sinh năm 1963; Căn cước công dân số 006163002696; Cấp ngày 27/6/2021; Cùng địa chỉ: thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên; (đều vắng mặt).

(Các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và các văn bản gửi kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Lâm Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với chị Triệu Thị V trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc

Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 03/02/2015. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc; từ năm 2024, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tôi đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản từ đầu năm 2023, vì khoảng cách xa nên đã khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; vợ chồng tôi cũng đã trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như đã được hai bên gia đình cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Đầu năm 2025, tôi có về nhà nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, vợ chồng vẫn sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng tôi không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn với chị Triệu Thị V. Đồng thời, tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tiến hành đưa vụ án ra xét xử sớm hơn quy định của pháp luật để tôi sớm được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên là Lâm Thị Hà C sinh ngày 20/3/2013 và Lâm Phương H sinh ngày 12/8/2017, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi là sẽ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và tôi không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, trong đơn khởi kiện anh Lâm Văn T trình bày vì lý do đang đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản nên không thể về Việt Nam để trực tiếp tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án được do vậy anh Lâm Văn T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, đồng thời anh ủy quyền cho anh Chu Thanh T1 thay mặt nguyên đơn thực hiện thủ tục nộp đơn khởi kiện, nộp án phí, nhận toàn bộ các văn bản tố tụng tại Tòa án và anh T1 sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh T biết.

**Bị đơn chị Triệu Thị V trong quá trình tố tụng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm kết hôn đúng như anh Lâm Văn T trình bày; quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc; từ năm 2024, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh T đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản từ đầu năm 2023, vì khoảng cách xa nên đã khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; vợ chồng tôi cũng đã trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như đã được hai bên gia đình cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Đầu năm 2025, anh T có về nhà nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, vợ chồng vẫn sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng tôi không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn tôi nhất trí ly hôn. Mặt khác anh T đã có đơn đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt tại Tòa án và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên mở phiên tòa giải quyết, xét xử sớm hơn thời hạn xét xử theo

pháp luật quy định, không kéo dài thời gian mở phiên họp, phiên toà như trong thông báo thụ lý vụ án.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên là Lâm Thị Hà C sinh ngày 20/3/2013 và Lâm Phương H sinh ngày 12/8/2017, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi là sẽ giao hai con chung cho anh Lâm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung; vì tôi hiện nay cũng như sau khi ly hôn tôi sẽ đi làm công nhân tại Bắc Ninh nên không có thời gian chăm sóc con chung, mặt khác sau khi ly hôn tôi không có nhà ở và nơi ở cố định để chăm sóc hai con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/7/2026, chị Triệu Thị V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án trước thời hạn với lý do hiện nay anh Lâm Văn T đang lao động xuất khẩu ở Nhật Bản, đồng thời anh T đã có đơn đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt tại Tòa án và đề nghị Tòa án mở phiên tòa giải quyết, xét xử sớm hơn thời hạn xét xử theo pháp luật quy định; mặt khác chị không đồng ý hòa giải vì chị không còn tình cảm, tình yêu đối với anh T nữa, việc hòa giải cũng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên để nhanh chóng giải thoát cho nhau khỏi sự bế tắc trong cuộc sống hôn nhân, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên không tiến hành phiên hòa giải đối với vụ án và đề nghị Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử sớm hơn quy định của pháp luật, không kéo dài thời gian mở phiên họp, phiên toà như trong thông báo thụ lý vụ án để chị sớm được ổn định cuộc sống.

Vì lý do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được đối với vụ án và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn L và bà Hà Thị T2 trong quá trình tố tụng trình bày:*

Từ năm 2023, khi anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và chị V đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh cho đến nay, cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H vẫn sống trực tiếp với ông bà nội là ông Lâm Văn L và bà Hà Thị T2. Nay vợ chồng anh T và chị V xin ly hôn và có nguyện vọng giao cháu C và cháu H cho Ông L và bà T2 tiếp tục tạm thời thay anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H cho đến khi anh T hết thời gian xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và trở về Việt Nam, ông bà hoàn toàn nhất trí.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đều đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 127 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238, 464, 469, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Văn T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, tuyên bố anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Triệu Thị V.

2.2. Về con chung:

Giao con chung tên là Lâm Thị Hà C sinh ngày 20/3/2013 và Lâm Phương H sinh ngày 12/8/2017 (hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho anh Lâm Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề nghị giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu.

2.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Không đề nghị giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu.

2.5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, buộc nguyên đơn Lâm Văn T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 7 - Thái Nguyên theo quy định Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử: Theo thông báo thụ lý vụ án thì thời hạn xét xử được ấn định vào ngày 05/4/2027 (trường hợp hoãn thì được mở lại vào ngày 05/5/2027), tuy nhiên nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, các đương sự đều nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và đều đề nghị được giải quyết vụ án trước thời hạn để ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Lâm Văn T và chị Triệu Thị V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, cả hai bên đương sự đều cùng nhất trí xin được ly hôn nên yêu cầu xét xử trước thời hạn là hợp lý cần được chấp nhận.

[1.3] Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Các đương sự đều trình bày từ năm 2023 đến nay, hai con chung của anh Lâm Văn T và chị Triệu Thị

V là cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H đang do ông bà nội là ông Lâm Văn L và bà Hà Thị T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn nhưng do đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản nên anh có yêu cầu nhờ ông L, bà T2 tiếp tục thay mình trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu cho đến khi anh hết thời hạn lao động trở về Việt Nam (dự kiến năm 2027); chị V cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu này. Xét thấy, việc Tòa án quyết định tạm giao hai cháu C và cháu H cho ông L, bà T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc sẽ liên quan trực tiếp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý của ông bà đối với các cháu. Do đó, để quá trình giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các bên; căn cứ vào khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định đưa ông Lâm Văn L và bà Hà Thị T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật"

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn T và chị Triệu Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 03/02/2015. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của anh Lâm Văn T và chị Triệu Thị V là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ năm 2023 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau trong cuộc sống.

Anh Lâm Văn T và chị Triệu Thị V đều có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đề nghị Tòa án xét xử cho ly hôn, vì thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, trong thời gian ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đấy làm. Anh T đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản từ đầu năm 2023, vì khoảng cách xa nên đã khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; vợ chồng cũng đã trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như đã được hai bên gia đình cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Đầu năm 2025, anh T có về nhà nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lâm Văn T.

[3]Về con chung: Vợ chồng anh Lâm Văn T và chị Triệu Thị V có 02 con chung tên là Lâm Thị Hà C sinh ngày 20/3/2013 và Lâm Phương H sinh ngày 12/8/2017, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Từ năm 2023 đến nay, anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản còn chị V thì đi làm công nhân tại các công ty ở Bắc Ninh nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay; hai con chung là Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H sống trực tiếp với ông bà nội là

ông Lâm Văn L và bà Hà Thị T2 tại thôn Bản Chăng, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi ly hôn, anh Lâm Văn T và chị Triệu Thị V đều có nguyện vọng là giao hai con chung cho anh Lâm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, hiện nay anh T đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trong thời gian anh T đi lao động xuất khẩu, anh T nhờ bố mẹ đẻ của mình là ông Lâm Văn L và bà Hà Thị T2 thay anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H đến khi anh T trở về địa phương (dự kiến năm 2027) sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy, hai con chung còn nhỏ, từ trước đến nay sống ổn định với ông bà nội, hai cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, luôn được ông bà nội trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt, hai cháu phát triển bình thường. Ông Lâm Văn L và bà Hà Thị T2 có nhà cửa khang trang, điều kiện kinh tế ổn định; Ông L là cán bộ hưu trí, lương hưu hàng tháng là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), bà T2 là lao động tự do, làm ruộng theo mùa vụ nhưng cũng có thu nhập hàng tháng ổn định; mặt khác sau khi anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và chị V đi làm công ty ở Bắc Ninh thì hàng tháng có gửi tiền về cho ông L, bà T2 để nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho ông L, bà T2 biết nguyện vọng của anh T và chị V về vấn đề nuôi hai con chung khi ly hôn và đề nghị ông L và bà T2 cho ý kiến. Theo đó cả ông L và bà T2 đều có nguyện vọng là muốn được tiếp tục thay anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H cho đến khi anh T hết thời hạn đi lao động xuất khẩu trở về Việt Nam (dự kiến năm 2027).

Về phần chị V, từ năm 2023 đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh cho đến nay; sau khi ly hôn chị không có nhà ở, phải đi thuê phòng trọ, chỗ ở không ổn định, bản thân lại chỉ có một mình nên nếu giao hai con chung cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt, cuộc sống, học tập của cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H.

Ngược lại, nếu giao hai con chung cho bố là anh Lâm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thì hai con chung tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, học tập ổn định. Mọi quyền lợi, điều kiện về vật chất sẽ được đảm bảo tốt nhất để hai cháu phát triển bình thường.

Từ những cơ sở trên, xét thấy để đảm bảo quyền lợi và các điều kiện tốt nhất cho hai con chung, cần thiết giao hai con chung cho bố là anh Lâm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của hai con chung). Trong thời gian anh T đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh T nhờ ông L, bà T2 thay anh T thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H cho đến khi anh T hết thời hạn đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản trở về Việt Nam (dự kiến năm 2027) để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh Lâm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Lâm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 (UBTVQH14) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lâm Văn T đối với chị Triệu Thị V. Anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Triệu Thị V.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên là Lâm Thị Hà C sinh ngày 20/3/2013 và Lâm Phương H sinh ngày 12/8/2017, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho anh Lâm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Lâm Văn T đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, tạm giao cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H cho ông Lâm Văn L và bà Hà Thị T2 (là ông bà nội của cháu C và cháu H) thay anh Lâm Văn T thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Thị Hà C và Lâm Phương H cho đến khi anh T hết thời hạn đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản trở về Việt Nam (dự kiến năm 2027).

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lâm Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông Chu Thanh T1 (là người được ủy quyền nhận các văn bản tố tụng) đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002846 ngày 29/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Lâm Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6,7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự".

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt, đang cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Cẩm Giàng, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Tư